

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101/2005/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2005

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán cuối năm và lập,
báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm**

Công tác khóa sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính, Quyết định số 130/2003/QĐ-BTC ngày 18/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước, Thông tư số 10/2004/TT-BTC ngày 19/2/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và ngân sách các cấp, Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung một số điểm về công tác khóa sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm như sau:

I. Công tác khóa sổ kế toán cuối năm:

1. Thời hạn cuối cùng chi ngân sách đối

với các nhiệm vụ được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm được quy định tại điểm 4.2.1 Mục V Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính. Đối với vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc dự toán ngân sách hàng năm, được phép kéo dài thời gian chi đến hết ngày 31/01 năm sau để thanh toán cho khối lượng xây dựng cơ bản trong kế hoạch đã thực hiện đến hết ngày 31/12 năm trước, đủ điều kiện thanh toán theo chế độ quy định và quyết toán vào niên độ ngân sách năm trước; trừ các trường hợp được thực hiện theo quy định tại điểm 4.3 và điểm 6 Mục I Thông tư này.

2. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn công trái giáo dục để kiên cố hóa trường, lớp học; nguồn trái phiếu Chính phủ để đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi... trọng điểm còn lại của năm trước chưa chi hết trong thời hạn quy định tại điểm 1 Mục I Thông tư này, được chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo mục tiêu quy định.

3. Tồn quỹ tiền mặt và số dư tài khoản

tiền gửi tại Kho bạc nhà nước của đơn vị sử dụng ngân sách có nguồn từ ngân sách nhà nước đến cuối ngày 31 tháng 12, được xử lý như sau:

3.1. Tồn quỹ tiền mặt phải nộp trả ngân sách tại Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch chậm nhất hết ngày 10/01 năm sau; trừ các khoản phải chi theo chế độ nhưng chưa chi (tiền lương, phụ cấp lương, các khoản trợ cấp cho các đối tượng theo chế độ, học bổng học sinh, sinh viên) và các trường hợp quy định tại điểm 3.3, điểm 3.4 và điểm 3.5 Mục I Thông tư này. Khi nộp, đơn vị kê rõ số tiền nộp theo Chương, Loại, Khoản, Mục, Tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước để đơn vị và Kho bạc nhà nước hạch toán giảm chi ngân sách năm trước.

3.2. Số dư tài khoản tiền gửi có nguồn từ ngân sách phải nộp giảm chi ngân sách nhà nước, trừ các trường hợp nêu tại điểm 3.3, điểm 3.4 và điểm 3.5 Mục I Thông tư này.

Số dư tài khoản tiền gửi của các trường hợp nêu tại điểm 3.3 Mục I Thông tư này được tiếp tục sử dụng đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán của mỗi cấp ngân sách và quyết toán vào ngân sách năm trước. Hết thời gian chỉnh lý quyết toán, nếu vẫn còn còn dư, được phép chuyển năm sau sử dụng và quyết toán vào ngân sách năm sau. Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo Kho bạc nhà nước nơi giao dịch (chi tiết theo Chương, Loại, Khoản, Mục và Tiểu mục) để Kho bạc nhà nước tổng hợp theo đơn vị dự toán

cấp I, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trong phạm vi 45 ngày sau khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách để làm thủ tục giảm chi năm trước, chuyển nguồn sang năm sau.

3.3. Tồn quỹ tiền mặt, số dư tài khoản tiền gửi của các trường hợp sau đây được chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo chế độ quy định, gồm:

a) Kinh phí khoán chi của các cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện khoán, tự chủ biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định của Chính phủ;

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định của Chính phủ;

c) Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trong thời gian thực hiện chương trình, dự án, đề tài được cấp có thẩm quyền giao hoặc hợp đồng ký kết với Chủ nhiệm chương trình;

d) Kinh phí hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Kinh phí hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm công trình văn hóa - nghệ thuật, báo chí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 52/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 29/8/2003 của liên Bộ Văn hóa thông tin - Bộ Tài chính (không gồm kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên);

g) Kinh phí thực hiện chính sách đối

với người có công với cách mạng do ngành lao động thương binh và xã hội quản lý;

h) Các khoản kinh phí khác được phép chuyển sang năm sau sử dụng theo chế độ quy định.

3.4. Số dư tiền mặt, số dư tài khoản tiền gửi của các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2004/TTLT-BTC-BQP ngày 26/3/2004 của liên Bộ Bộ Tài chính - Bộ Quốc phòng và Thông tư liên tịch số 54/2004/TTLT-BTC-BCA ngày 10/6/2004 của liên Bộ Bộ Tài chính - Bộ Công An.

3.5. Số dư tiền mặt, số dư tài khoản tiền gửi của ngân sách cấp xã được chuyển sang năm sau sử dụng theo chế độ quy định.

4. Về xử lý số dư dự toán:

4.1. Các nhiệm vụ chi thường xuyên được bố trí trong dự toán ngân sách năm nào chỉ được chi trong năm ngân sách đó. Sau thời hạn chi ngân sách quy định tại điểm 1 Mục I Thông tư này, dự toán giao cho đơn vị chưa chi hết (gọi là số dư dự toán) không được chi tiếp; trừ các trường hợp nêu tại điểm 4.2 Mục I Thông tư này và các trường hợp đặc biệt được phép chi tiếp theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc thủ trưởng cơ quan tài chính được ủy quyền (đối với ngân sách địa phương) theo quy định tại điểm 4.1.3

Mục V Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính.

Các trường hợp cần xét chuyển số dư dự toán thực hiện như sau:

- Các đơn vị sử dụng ngân sách có văn bản kèm theo tài liệu liên quan và xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi giao dịch (bản chính) theo Biểu số 01/ĐVDT ban hành kèm theo Thông tư này gửi đơn vị dự toán cấp trên, đơn vị dự toán cấp I tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để xét chuyển (kèm theo tài liệu liên quan, bản tổng hợp số dư dự toán của từng đơn vị sử dụng ngân sách và bản xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch- bản chính).

- Thời hạn đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương gửi hồ sơ đề nghị xét chuyển về Bộ Tài chính chậm nhất là ngày 15/02 năm sau; thời hạn Bộ Tài chính xem xét, giải quyết xong trước ngày 01/3 năm sau. Thời hạn gửi hồ sơ xét chuyển và thời hạn xem xét, giải quyết đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định, nhưng phải đảm bảo thời hạn lập quyết toán của mỗi cấp ngân sách theo quy định.

- Trường hợp cơ quan tài chính chấp nhận cho chuyển số dư dự toán sang năm sau chi tiếp, nếu thực hiện trong thời gian chình lý quyết toán của từng cấp ngân sách thì quyết toán vào ngân sách năm trước, nếu thực hiện sau thời gian

chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách thì cơ quan tài chính chuyển nguồn sang ngân sách năm sau chi tiếp; trường hợp cơ quan tài chính không chấp nhận thì số dư dự toán bị hủy bỏ.

4.2. Số dư dự toán chi thường xuyên của các trường hợp nêu tại tiết a, b, c, d, e, g, h điểm 3.3 Mục I của Thông tư này và các nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ đã giao cho đơn vị dự toán, nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết, được chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

Thủ tục thực hiện chuyển số dư dự toán như sau:

- Căn cứ chế độ quy định, đơn vị sử dụng ngân sách có văn bản đề nghị Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để làm thủ tục chuyển năm sau. Sau khi thực hiện, Kho bạc nhà nước tổng hợp theo đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp (đối với các đơn vị dự toán cùng cấp), Kho bạc nhà nước cấp trên (đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp trên) để tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo Biểu số 01C/KB trong thời hạn 45 ngày sau khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách.

- Cơ quan tài chính căn cứ báo cáo của Kho bạc nhà nước cùng cấp xem xét, làm thủ tục chuyển nguồn sang năm sau.

4.3. Dự toán ngân sách chi đầu tư xây dựng cơ bản theo năm ngân sách được cơ quan có thẩm quyền phân bổ, giao cho dự án, công trình được thanh toán đến

hết ngày 31/01 năm sau, số dư còn lại không được chi tiếp, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài:

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thanh toán (đối với khối lượng xây dựng cơ bản thực hiện đến hết ngày 31/12/năm trước), nếu thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách thì quyết toán vào ngân sách năm trước, nếu thanh toán sau thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách thì quyết toán vào ngân sách năm sau.

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện khối lượng sau ngày 31 tháng 12 năm trước:

+ Nếu thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách thì quyết toán vào ngân sách năm trước;

+ Nếu thanh toán sau thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách thì quyết toán vào ngân sách năm sau.

Kho bạc nhà nước chuyển số dư dự toán (đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách) của các dự án, công trình được kéo dài sang ngân sách năm sau; tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trong thời hạn 45 ngày sau khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách (theo Biểu số 02/KB đính kèm Thông tư này). Cơ quan tài chính căn cứ báo cáo của Kho bạc nhà nước xem xét, làm thủ tục chuyển nguồn sang ngân sách năm sau.

5. Kết thúc thời hạn chi ngân sách hàng năm nêu tại điểm 1 Mục I Thông tư này, Kho bạc nhà nước lập báo cáo sử dụng dự toán ngân sách năm của đơn vị dự toán cấp I thuộc từng cấp ngân sách gửi cơ quan tài chính cùng cấp (đối với các đơn vị dự toán cùng cấp), Kho bạc nhà nước cấp trên (đối với các đơn vị dự toán của ngân sách cấp trên) để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp (theo các Biểu như sau: Biểu số 01A/KB, 01B/KB, 01C/KB đính kèm Thông tư này); thời hạn cụ thể như sau:

- Kho bạc nhà nước cấp huyện: chậm nhất hết ngày 10/01 năm sau;
- Kho bạc nhà nước cấp tỉnh: chậm nhất hết ngày 20/01 năm sau;
- Kho bạc nhà nước (Trung ương): chậm nhất hết ngày 31/01 năm sau.

6. Về xử lý tạm ứng thuộc dự toán năm trước:

Các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm thanh toán số tạm ứng với Kho bạc nhà nước trước khi khóa sổ kế toán cuối năm. Kho bạc nhà nước các cấp có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị thanh toán tạm ứng kinh phí (gồm cả tạm ứng đầu tư xây dựng cơ bản) theo thời hạn quy định. Các khoản tạm ứng theo chế độ trong dự toán chưa thanh toán đến hết ngày 31/12 được tiếp tục thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách và quyết toán vào ngân sách năm trước theo chế độ quy định. Riêng đối với số tạm ứng vốn đầu

tư xây dựng cơ bản đến ngày 31/01 chưa thanh toán được chuyển sang năm sau thanh toán và quyết toán vào ngân sách năm sau; trừ trường hợp số tạm ứng được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán, được quyết toán vào ngân sách năm trước.

Sau thời hạn quy định trên, số dư tạm ứng còn lại không được thanh toán tiếp, trừ các trường hợp quy định tại điểm 6.1 và điểm 6.2 Mục I Thông tư này.

6.1. Trường hợp kinh phí tạm ứng chi thường xuyên thuộc dự toán ngân sách năm trước của đơn vị sử dụng ngân sách không đủ chứng từ thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách mà cần chuyển sang năm sau thanh toán, đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp kèm theo các tài liệu liên quan, xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi giao dịch về số dư tạm ứng kinh phí (bản chính) theo Biểu số 02/ĐVDT ban hành kèm theo Thông tư này; đơn vị dự toán cấp I tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp (kèm theo các tài liệu liên quan, bản tổng hợp số dư tạm ứng kinh phí của từng đơn vị sử dụng ngân sách và bản đối chiếu, xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch- bản chính) để cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, giải quyết; trừ các trường hợp đương nhiên được chuyển sang năm sau theo quy định tại điểm 6.2 Mục I Thông tư này.

Thời hạn gửi hồ sơ đề nghị xét chuyển số tạm ứng đến cơ quan tài chính cùng cấp, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách. Thời hạn xem xét, giải quyết của cơ quan tài chính trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị của đơn vị.

Trường hợp cơ quan tài chính chấp nhận cho chuyển số dư tạm ứng sang ngân sách năm sau thanh toán thì quyết toán vào ngân sách năm sau.

Chậm nhất 30 ngày sau khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp cho chuyển tạm ứng sang ngân sách năm sau, Kho bạc nhà nước thực hiện thu hồi tạm ứng bằng cách ghi tạm ứng các nhóm mục chi tương ứng thuộc dự toán giao cho đơn vị năm sau, giảm chi tạm ứng ngân sách năm trước; nếu dự toán năm sau không bố trí các nhóm mục chi đó hoặc bố trí ít hơn số phải thu hồi tạm ứng, Kho bạc nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để có biện pháp xử lý.

6.2. Số dư tạm ứng kinh phí đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách năm trước của từng cấp ngân sách của các trường hợp nêu tại tiết a, b, c, d, e, g, h điểm 3.3 Mục I Thông tư này và số dư tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản quy định tại điểm 6 Mục I Thông tư này được chuyển sang ngân sách năm sau thanh toán.

6.3. Kho bạc nhà nước làm thủ tục chuyển số dư tạm ứng từ ngân sách năm trước sang tạm ứng ngân sách năm sau đối với các trường hợp được chuyển sang năm sau quy định tại điểm 6.1 và điểm 6.2 Mục I của Thông tư này; đồng thời tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo Biểu số 01A/KB, 01C/KB và Biểu số 03/KB đính kèm Thông tư này (chi tiết theo từng đơn vị dự toán cấp I) trong thời hạn 45 ngày sau khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách; cơ quan tài chính xem xét, làm thủ tục chuyển nguồn sang ngân sách năm sau.

7. Đối với số dư dự toán ngân sách và số dư tạm ứng năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển sang ngân sách năm sau theo quy định tại điểm 4.1, điểm 6.1 Mục I Thông tư này, cơ quan tài chính có trách nhiệm thông báo cho đơn vị dự toán cấp I, chi tiết cụ thể từng đơn vị sử dụng ngân sách (chi tiết đến nhóm mục theo quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính), đồng gửi Kho bạc nhà nước cùng cấp để phối hợp thực hiện. Đơn vị dự toán cấp I thông báo cho từng đơn vị sử dụng ngân sách theo mẫu biểu quy định về phân bổ, giao dự toán.

8. Số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ủy quyền đến hết ngày 31/12, Kho bạc nhà nước phải nộp trả cho ngân sách cấp ủy quyền và hạch toán giảm chi ngân sách cấp ủy quyền, trừ trường hợp được phép chuyển sang năm sau theo chế độ quy

định. Trường hợp cần sử dụng tiếp, cơ quan tài chính nhận kinh phí ủy quyền báo cáo cơ quan tài chính ủy quyền (kèm hồ sơ tài liệu liên quan và xác nhận của Kho bạc nhà nước về số dư tài khoản kinh phí ủy quyền đã nộp trả ngân sách cấp ủy quyền) để xem xét, xử lý theo trình tự và thời hạn quy định tại điểm 4 Mục I Thông tư này.

9. Đối với các khoản thu ngân sách nhà nước từ phí, lệ phí và thu sự nghiệp phân phải hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định, thì phải làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước trước khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách theo quy định hiện hành.

10. Vốn vay nợ, viện trợ ngoài nước thực hiện hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách theo chế độ qui định, làm thủ tục ghi thu, ghi chi kịp thời và chậm nhất trong thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách đối với các khoản phát sinh trong năm. Đối với các khoản vay nợ, viện trợ thực hiện theo hình thức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện ghi thu, ghi chi chậm nhất đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán của ngân sách địa phương. Số ghi thu, ghi chi ngân sách năm nào thì quyết toán vào thu, chi ngân sách năm đó. Cơ quan tài chính khi làm thủ tục ghi thu, ghi chi phải kèm theo thông tri duyệt y dự toán, bản kê số tiền theo từng đơn vị sử dụng, dự án công

trình, Chương, Loại, Khoản, Mục và Tiểu mục theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước gửi cho đơn vị dự toán cấp I trực thuộc hoặc cơ quan tài chính cấp dưới (trong trường hợp bổ sung cho ngân sách cấp dưới) và Kho bạc nhà nước cùng cấp để thực hiện hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách theo đúng chế độ quy định.

11. Số quyết toán chi ngân sách theo niên độ hàng năm là số thực chi đã đủ thủ tục thanh toán trong niên độ theo chế độ quy định và số chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau theo quy định gồm:

- Số dư dự toán được phép chuyển sang năm sau chi tiếp;

- Số dư tạm ứng chưa đủ thủ tục thanh toán được phép chuyển sang ngân sách năm sau thanh toán;

- Các khoản chưa phân bổ khác: dự toán chưa phân bổ (nếu có), số tăng thu so dự toán chưa phân bổ... được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc được chuyển sang năm sau theo chế độ quy định.

Hạch toán thu, chi chuyển nguồn năm trước sang năm sau theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể như sau: Chi chuyển nguồn sang năm sau: Chương 160, Loại 10, Khoản 10, Mục 134, Tiểu mục 07; thu chuyển nguồn từ năm trước sang: Chương 160, Loại 10, Khoản 10, Mục 062, Tiểu mục 06.

12. Về hạch toán, quyết toán nguồn thực hiện cải cách tiền lương:

12.1. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương thuộc ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao năm nào thì được chi đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán của từng cấp ngân sách và quyết toán vào niên độ năm đó. Trường hợp chưa chi hoặc chưa chi hết thì được xử lý theo quy định tại điểm 4.2 Mục I Thông tư này.

12.2. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị mà không phải là nguồn thu của ngân sách nhà nước (như thu nhập từ hoạt động dịch vụ của đơn vị sự nghiệp có thu sau khi đã nộp thuế theo chế độ quy định) thì không hạch toán, quyết toán vào ngân sách nhà nước.

13. Cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước và cơ quan thu (Thuế và Hải quan) cùng cấp đôn đốc các cơ quan liên quan xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền số tạm thu, tạm giữ để nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định; thực hiện đối chiếu số thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn và số thu, chi ngân sách các cấp (kể cả số thu, chi bổ sung giữa ngân sách các cấp và số thu trái phiếu, tín phiếu của ngân sách trung ương) đảm bảo khớp đúng cả về tổng số và chi tiết theo Chương, Loại, Khoản, Mục và Tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước trước khi khóa sổ kế toán cuối năm.

II. Công tác quyết toán và báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm:

1. Về quyết toán chi ngân sách nhà nước đối với các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ và các dự án khác có thời gian thực hiện trên 12 tháng như sau:

a) Đối với các chương trình, đề tài thuộc nguồn khoa học công nghệ thực hiện theo quy định riêng.

b) Đối với các chương trình, dự án khác:

- Trường hợp được quản lý theo cơ chế chi thường xuyên thì quyết toán theo quy định đối với chi thường xuyên;

- Trường hợp được quản lý theo cơ chế chi đầu tư xây dựng cơ bản thì quyết toán theo quy định đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản.

c) Số kinh phí đã quyết toán theo niên độ ngân sách hàng năm được theo dõi riêng và lũy kế hàng năm để làm cơ sở quyết toán toàn bộ chương trình, đề tài, dự án khi hoàn thành theo quy định.

2. Các đơn vị dự toán cấp I lập quyết toán đầy đủ số kinh phí ngân sách nhà nước cấp mà các đơn vị dự toán trực thuộc đã sử dụng (bao gồm cả vốn vay, viện trợ không hoàn lại và các khoản phải ghi thu ghi chi ngân sách theo chế độ quy định), gửi cơ quan tài chính cùng cấp trong thời hạn theo chế độ quy định. Quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I

phải khớp đúng với số liệu của các đơn vị dự toán trực thuộc được cơ quan có thẩm quyền duyệt, thông báo về tổng số và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước.

3. Khi duyệt, thẩm định quyết toán, nếu phát hiện các khoản thu, chi sai chế độ hoặc không đủ điều kiện quyết toán, cơ quan duyệt, thẩm định quyết toán phải xuất toán. Nếu chi sai thì thu hồi cho ngân sách, nếu chưa đủ điều kiện quyết toán thì chuyển năm sau quyết toán.

Căn cứ vào quyết định xử lý quyết toán nêu trên của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị và Kho bạc nhà nước hạch toán giảm chi ngân sách, tổng hợp báo cáo số đã hạch toán giảm chi theo Mục lục ngân sách nhà nước cho cơ quan tài chính cùng cấp trước khi cơ quan tài chính trình Chính phủ, Ủy ban nhân dân quyết toán ngân sách cấp mình.

4. Các đơn vị dự toán, các địa phương được thanh tra, kiểm toán phải xử lý dứt điểm và báo cáo kết quả xử lý các kiến nghị của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước gửi đơn vị dự toán cấp trên, cơ quan tài chính cấp trên. Đơn vị dự toán cấp I tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo Biểu số 12 Phụ lục số 8 quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính. Cơ quan tài chính cấp dưới tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cấp trên theo Biểu số 11 Phụ lục số 8 quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính.

5. Báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp chính quyền địa phương phải giải trình rõ, chi tiết nguyên nhân tăng, giảm thu, chi đối với từng nhiệm vụ, từng lĩnh vực so với dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao. Đối với ngân sách các cấp chính quyền địa phương còn phải thuyết minh chi tiết: thu khác ngân sách, chi khác ngân sách; sử dụng dự phòng; sử dụng số tăng thu của ngân sách địa phương; sử dụng thưởng vượt thu từ ngân sách cấp trên; tình hình thực hiện các nhiệm vụ quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương.

6. Đối với kinh phí ủy quyền: Lập và báo cáo quyết toán kinh phí ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm 9 Mục V Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan của Bộ Tài chính. Trường hợp kinh phí ủy quyền cho cấp dưới được giao trong dự toán của đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp ngân sách ủy quyền, thì đơn vị dự toán cấp I lập và báo cáo quyết toán chung với phần kinh phí được giao quản lý gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

7. Quyết toán chi từ nguồn vốn phát hành công trái giáo dục, nguồn trái phiếu Chính phủ thực hiện như sau:

7.1. Chi kiên cố hóa trường, lớp học từ

nguồn vốn công trái giáo dục được tổng hợp vào quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán và ngân sách địa phương theo quy định;

7.2. Chi đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi... quan trọng từ nguồn trái phiếu Chính phủ, các chủ đầu tư, các đơn vị dự toán, Kho bạc nhà nước và cơ quan tài chính các cấp có báo cáo riêng, không tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách của đơn vị, của địa phương;

7.3. Các chủ đầu tư báo cáo cơ quan chủ quản, cơ quan chủ quản và Kho bạc nhà nước có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan tài chính cấp dưới có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cấp trên chi tiết số quyết toán chi kiên cố hóa trường, lớp học từ nguồn vốn công trái giáo dục, chi đầu tư công trình giao thông, thủy lợi... quan trọng từ nguồn trái phiếu Chính phủ theo chế độ quy định, gửi kèm theo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; Bộ Tài chính tổng hợp vào quyết toán theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các cấp gửi quyết toán ngân sách hàng năm đến cơ quan tài chính cấp trên theo thời hạn quy định tại điểm 7 Mục V Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính. Sau khi Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách, trong phạm vi 5 ngày, cơ quan tài chính gửi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách cho cơ quan tài chính cấp trên để làm cơ sở thẩm định

quyết toán ngân sách và tổng hợp vào quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp quyết toán được Hội đồng nhân dân phê chuẩn có thay đổi so với quyết toán của Ủy ban nhân dân đã gửi, cơ quan tài chính phải trình Ủy ban nhân dân ký, gửi báo cáo bổ sung phần có thay đổi so với báo cáo đã gửi cơ quan tài chính cấp trên.

9. Mẫu biểu quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003, Thông tư số 10/2004/TT-BTC ngày 19/02/2004, Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 của Bộ Tài chính, Quyết định số 130/2003/QĐ-BTC ngày 18/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn tại Thông tư này. Cụ thể gồm:

9.1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp lập, gửi quyết toán theo quy định tại Thông tư số 10/2004/TT-BTC ngày 19/02/2004, số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 của Bộ Tài chính và các biểu: Biểu số 12 Phụ lục số 8 đính kèm Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính; Biểu số 03/ĐVDT đính kèm Thông tư này. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương gửi quyết toán về Bộ Tài chính 02 bản kèm theo files dữ liệu điện tử (trong đó gửi về Vụ Ngân sách nhà nước 01 bản bằng văn bản và kèm theo files dữ liệu điện tử hoặc truyền thư điện tử theo địa chỉ email: tqtns@mof.gov.vn); đồng thời gửi Kiểm toán Nhà nước 01 bản quyết toán

(bằng văn bản). Riêng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi 01 bản quyết toán bằng văn bản về Bộ Tài chính.

9.2. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập báo cáo thuyết minh quyết toán và báo cáo thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách địa phương hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh duyệt gửi về Bộ Tài chính, đồng gửi Kiểm toán Nhà nước theo đúng các mẫu biểu quy định tại: Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005, Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003, riêng Biểu số 02/QT tại Phụ lục số 8 được thay thế bằng Biểu số 01/TC đính kèm Thông tư này; Biểu số 03/DVDT đính kèm Thông tư này; đồng thời gửi files dữ liệu điện tử về Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách nhà nước) hoặc truyền thư điện tử theo địa chỉ email: **tqtns@mof.gov.vn**.

Đối với báo cáo kinh phí ủy quyền của ngân sách trung ương, lập và gửi báo cáo theo quy định tại điểm 6 Mục II Thông tư này.

9.3. Thời hạn gửi quyết toán ngân sách hàng năm thực hiện theo quy định tại điểm 7.4.2 Mục V Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính. Quá thời hạn trên, các đơn vị dự toán cấp I và ngân sách cấp dưới trực thuộc không gửi quyết toán năm đúng thời gian quy định, sẽ bị tạm đình chỉ cấp kinh phí ngân sách của Văn phòng đơn vị dự toán cấp I hoặc tạm đình chỉ chuyển số bổ sung cho ngân sách cấp

dưới cho đến khi nhận được quyết toán năm, trừ các khoản: lương, phụ cấp lương, trợ cấp, học bổng và một số khoản chi cấp thiết để đảm bảo hoạt động của bộ máy nhưng không bao gồm các khoản chi mua sắm trang thiết bị, sửa chữa.

9.4. Đồng thời với việc báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định tại Quyết định số 130/2003/QĐ-BTC ngày 18/8/2003, Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 của Bộ Tài chính và các biểu báo cáo theo điểm 3.2, điểm 4.2, điểm 4.3, điểm 5 và điểm 6.3 Mục I Thông tư này, Kho bạc nhà nước báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình sử dụng kinh phí và kết quả xử lý các loại số dư theo các biểu đính kèm Thông tư này như sau:

- Báo cáo sử dụng kinh phí ngân sách (Biểu số 01A/KB, 01B/KB, 01C/KB);

- Báo cáo sử dụng dự toán vốn đầu tư được giao đối với các dự án, công trình được phép thực hiện và thanh toán kéo dài sang năm sau (Biểu số 02/KB).

- Báo cáo tổng hợp sử dụng dự toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản được giao niên độ ngân sách (Biểu số 03/KB).

Thời hạn Kho bạc nhà nước gửi các báo cáo trên trong phạm vi 45 ngày sau khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán theo từng cấp ngân sách. Riêng đối với báo cáo sử dụng kinh phí (Biểu số 01A/KB, 01B/KB, 01C/KB), Kho bạc nhà nước gửi báo cáo số liệu đến hết ngày 31/12 hàng năm theo quy định tại điểm 5 Mục I

Thông tư này, báo cáo số liệu đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách trong thời hạn 45 ngày sau khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán theo từng cấp ngân sách.

III. Tổ chức thực hiện:

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và được áp dụng đối với công tác khóa sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước từ năm ngân sách 2005. Những quy định về khóa sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách trái với quy định tại Thông tư này đều không có hiệu lực thi hành.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Kho bạc nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và cấp dưới thực hiện công tác khóa sổ và lập, báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm theo quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn cụ thể./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tá

UBND TỈNH, TP.....

Biểu số: 01/TC

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)		
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định	
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2	
	TỔNG THU NSNN (A+B) (không kể thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách và tín phiếu, trái phiếu của NSTW)										
A	TỔNG CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSNN										
I	Thu từ SXKD trong nước										
1	Thu từ DNNN trung ương										
1.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất KD trong nước <i>Tr.đó: Thu từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>										
1.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước										
1.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Tr.đó: - Từ các đơn vị HT toàn ngành</i> <i>- Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>										

09685717

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
	- Từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất và chuyển quyền thuê đất									
1.4	Thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Tr.đó: - Từ các đơn vị HT toàn ngành</i>									
	- Từ quảng cáo TH									
	- Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí									
1.5	Thuế tài nguyên <i>Tr.đó: Khí đồng hành</i>									
1.6	Thuế môn bài									
1.7	Thu sử dụng vốn ngân sách									
1.8	Thu khác									
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương									
2.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất KD trong nước									
2.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước									
2.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Tr.đó: - Từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất và chuyển quyền thuê đất</i>									

09685717

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HBND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HBND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
2.4	Thu nhập sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Tr.đó: Từ quảng cáo TH</i>									
2.5	Thuế tài nguyên									
2.6	Thuế môn bài									
2.7	Thu sử dụng vốn ngân sách									
2.8	Thu khác									
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài									
3.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất KD trong nước <i>Tr.đó: Thuế GTGT từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>									09685717
3.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước									
3.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Tr.đó: - Thuế TNDN từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất và chuyển quyền thuê đất</i>									
	<i>- Thuế TNDN từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>									
3.4	Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài									

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	3=4+ 5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
	<i>Tr.đó: Thu từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>									
3.5	Thuế tài nguyên									
	<i>Tr.đó: Tài nguyên khí</i>									
3.6	Thuế môn bài									
3.7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển									
	<i>Tr.đó: Thu từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>									
3.8	Thu khác									
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh									
4.1	Thu từ DN thành lập theo Luật DN, Luật HTX (1)									
4.1.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất KD trong nước									
4.1.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước									
4.1.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	<i>Tr.đó: - Từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất và chuyển quyền thuê đất</i>									

09685717

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
4.1.4	Thu sử dụng vốn									
4.1.5	Thuế tài nguyên									
4.1.6	Thuế môn bài									
4.1.7	Thu khác									
4.2	Thu từ cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (2)									
4.2.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất KD trong nước									
4.2.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước									
4.2.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp									
4.2.4	Thuế tài nguyên									
4.2.5	Thuế môn bài									
4.2.6	Thu khác									
5	Thu xổ số kiến thiết									
5.1	Thuế giá trị gia tăng									
5.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp									
5.3	Thu nhập sau thuế TNDN									
5.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt									
5.5	Thu sử dụng vốn ngân sách									
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp									
7	Thuế thu nhập cá nhân									

09685717

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	3=4+ 5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
8	Lệ phí trước bạ									
9	Thu phí giao thông thu qua xăng dầu									
10	Thu phí, lệ phí									
10.1	Thu phí, lệ phí Trung ương									
10.2	Thu phí, lệ phí tỉnh, huyện									
10.3	Thu phí, lệ phí xã									
11	Các khoản thu về nhà, đất									
11.1	Thuế nhà đất									
11.2	Thuế chuyển quyền sử dụng đất									
11.3	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước									
	<i>Tr.đó: Thu từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí</i>									
11.4	Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng									
11.5	Thu tiền bán nhà và thuê nhà ở thuộc SHNN									
12	Thu sự nghiệp (không kể thu tại xã)									
13	Thu tại xã									
13.1	Thu từ quỹ đất công ích và đất công (xã)									

09685717

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
	<i>Tr.đó: Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất</i>									
13.2	Thu sự nghiệp do xã quản lý									
13.3	Thu hồi khoản chi năm trước (xã)									
13.4	Thu phạt, tịch thu (xã)									
13.5	Thu khác (xã)									
14	Thu khác									
14.1	Thu từ quỹ đất công ích và đất công (tỉnh, huyện)									
	<i>Tr.đó: Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất</i>									
14.2	Thu tiền phạt (không kể phạt tại xã)									
	<i>Tr.đó: Phạt ATGT</i>									
14.3	Thu tịch thu (không kể tịch thu tại xã)									
	<i>Tr.đó: Tịch thu chống lậu</i>									
14.4	Thu tiền bán hàng hóa vật tư dự trữ									
14.5	Thu tiền bán cây đứng									
14.6	Thu bán tài sản									
14.7	Thu thanh lý nhà làm việc									
14.8	Thu hồi các khoản chi năm trước									

09685717

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hưởng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hưởng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
14.9	Thu do NS cấp khác hoàn trả khoản thu năm trước									
14.10	Thu khác còn lại (không kể thu khác tại xã)									
II	Thu về dầu khí									
1	Thu về dầu thô <i>Tr.đó: - Thuế tài nguyên - Thuế thu nhập doanh nghiệp - Lợi nhuận phía Việt Nam được hưởng</i>									
2	Thu từ khí lãi Chính phủ được chia <i>Tr.đó: - Thuế tài nguyên - Thuế thu nhập doanh nghiệp - Khí lãi được chia của Việt Nam</i>									
III	Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT hàng NK do hải quan thu									
1	Thuế xuất khẩu									
2	Thuế nhập khẩu									
3	Thuế TTĐB hàng nhập khẩu									
4	Thuế GTGT hàng nhập khẩu									

09685717

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	3=4+ 5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
5	Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu									
IV	Thu viện trợ (không kể viện trợ về cho vay lại)									
V	Thu từ quỹ dự trữ tài chính									
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước									
VII	Thu chuyển nguồn									
VIII	Thu huy động đầu tư theo K3Đ8 của Luật NSNN									
B	CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN ⁽³⁾									
1	...									
2	...									
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN									
1	Bổ sung cân đối									
2	Bổ sung có mục tiêu									
2.1	<i>BS có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước</i>									
2.2	<i>BS có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước</i>									

09685717

Số thứ tự	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	Bao gồm				So sánh (%)	
		Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	Bộ TC giao, hướng dẫn	HDND quyết định
A	B	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=3/1	9=3/2
D	THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN									
E	THU TÍN PHIẾU, TRÁI PHIẾU CỦA NSTW									
	TỔNG SỐ (A đến E)									

Ngày..... tháng.... năm..... Ngày..... tháng.... năm..... , ngày..... tháng.....năm

Giám đốc KBNN tỉnh (TP) Giám đốc Sở Tài chính TM.UBND tỉnh (TP)

(Ký tên và đóng dấu) (Ký tên và đóng dấu) Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)

09685717

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Chú thích:

- (1) - Bao gồm: Doanh nghiệp tư nhân, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty nước ngoài hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú tại Việt Nam, Hợp tác xã sản xuất - kinh doanh - dịch vụ.
- (2) - Bao gồm: Cá nhân và nhóm cá nhân kinh doanh, hộ cá thể, cá nhân hành nghề độc lập, cá nhân cho thuê tài sản, cá nhân nước ngoài kinh doanh có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.
- (3) - Chỉ phản ánh các khoản thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định.

**BÁO CÁO SỬ DỤNG DỰ TOÁN CỦA NGÂN SÁCH CẤP (TRUNG ƯƠNG, TỈNH...) ĐẾN.....
NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM.....**

Đơn vị: đồng

DỰ TOÁN THỰC HỮU BỎ	TÀM ƯNG PHẢI THU HỒI	TÀM ƯNG ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN NĂM SAU	DỰ TOÁN ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN NĂM SAU	THỰC CHI ĐẾN HẾT THỜI GIAN CHÍNH LÝ	TỔNG DỰ TOÁN CẢ NĂM	DỰ TOÁN BỔ SUNG TRONG THỜI GIAN CHÍNH LÝ	DỰ TOÁN ĐƯỢC PHÉP TIẾP TỤC CHI TRONG THỜI GIAN CHÍNH LÝ NS	DỰ TOÁN CÒN LẠI TẠI THỜI ĐIỂM 31/12	TRONG ĐÓ		DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG ĐẾN 31/12	TRONG ĐÓ		DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	DỰ TOÁN GIAO TRONG NĂM (gồm cả bổ sung trong năm)	DỰ TOÁN GIAO NĂM NAY	NHÓM MỨC	LOẠI, KHOẢN	CHƯƠNG	MÃ SỐ DVSDNS	ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP I	SỐ THỨ TỰ	
									SỐ TÀM ƯNG CHƯA THANH TOÁN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12	SỐ THỰC CHI ĐẾN 31/12		SỐ TÀM ƯNG CHƯA THANH TOÁN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12	SỐ THỰC CHI ĐẾN 31/12										
					16 = 7+15		14	13 = 7-10			10			9	8	7	6	5	4	3	2	1	
TỔNG CỘNG																							

Ghi chú: - Cột 9 gồm số dư dự toán, số dư tạm ứng năm trước được phép chuyển sang năm sau.

- KBNN tổng hợp báo cáo gửi cơ quan tài chính đồng cấp chi tiết theo đơn vị dự toán cấp I.
- Báo cáo tại thời điểm sau khi kết thúc thời hạn rút dự toán: từ cột 1 đến cột 13.
- Báo cáo tại thời điểm sau khi hết thời gian chính lý quyết toán: từ cột 1 đến cột 21.
- Số liệu báo cáo gồm cả số liệu cấp theo hình thức rút dự toán và cấp bằng lệnh chi tiền, gồm cả phần kinh phí được giao khoán, tự chủ.

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ ỦY QUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP (TRUNG ƯƠNG, TỈNH...) ĐẾN....

NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM.....

Đơn vị: đồng

CQ TC CẤP ỦY QUYỀN ĐÃ CẤP ĐẾN 31/12	SỐ SỬ DỤNG ĐẾN 31/12	BAO GỒM		SỐ CHƯA SỬ DỤNG TẠI THỜI ĐIỂM 31/12	BAO GỒM		CQTC CẤP ỦY QUYỀN BỎ SUNG TRONG THỜI GIAN CHỈNH LÝ	TỔNG SỐ CẤP CẢ NĂM	THỜI GIAN CHỈNH LÝ	TÀM ỨNG ĐẾN HẾT THỜI GIAN CHỈNH LÝ	BAO GỒM		SỐ KINH PHÍ ỦY QUYỀN CHƯA SỬ DỤNG TẠI THỜI ĐIỂM HẾT THỜI GIAN CHỈNH LÝ	BAO GỒM				
		SỐ TÂM ỨNG CHƯA THANH TOÁN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12	SỐ THỰC CHI ĐẾN 31/12		SỐ NỘP NS	SỐ ĐƯỢC CHUYỂN NĂM SAU					SỐ PHẢI THU HỒI	SỐ CHUYỂN NĂM SAU		SỐ NỘP LẠI NGÂN SÁCH	SỐ ĐƯỢC CHUYỂN NĂM SAU			
1	2	3	4	5 = 6+7	6	7	8 = 4-5	9	10	11	12 = 4+11	13	14	15	16	17 = 12-10-13-14	18	19
TỔNG CỘNG																		

Ghi chú: - Địa bàn: ghi theo nơi nhận ủy quyền (ví dụ đối với NSTW - là tỉnh, thành phố)

- Báo cáo tại thời điểm sau khi kết thúc thời hạn rút dự toán: từ cột 1 đến cột 10
- Báo cáo tại thời điểm sau khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán: từ cột 1 đến cột 19
- Báo cáo này thực hiện từ năm ngân sách 2006 trở đi.

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN

BÁO CÁO SỬ DỤNG DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ ĐƯỢC GIAO CỦA NGÂN SÁCH CẤP (TW, TỈNH,.....) NĂM.....*(của các dự án, công trình được cơ quan có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện, thanh toán sang năm sau)*Đơn vị: **Đồng**

Số thứ tự	Theo cơ quan chủ quản	Dự toán vốn đầu tư được giao trong năm (kể cả bổ sung trong năm và số năm trước được chuyển sang)	Dự toán ngân sách đã sử dụng đến 31/01 năm sau		Dự toán ngân sách hủy bỏ	Dự toán ngân sách được phép kéo dài sang năm sau	Dự toán ngân sách đã sử dụng tiếp trong thời gian chỉnh lý quyết toán năm....		Dự toán ngân sách chuyển sang năm sau sử dụng và QT vào năm sau	Số văn bản, ngày, tháng, năm, cơ quan cho phép
			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng chưa thu hồi			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng chưa thu hồi		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8 = 5-6-7	9
	TỔNG SỐ									
	BỘ A (SỞ A, PHÒNG A)									
	Dự án, công trình A									
	Dự án, công trình B									
									
	BỘ B (SỞ B, PHÒNG B)									
	Dự án, công trình A									
	Dự án, công trình B									
									
	BỘ C (SỞ C, PHÒNG C)									
	Dự án, công trình A									
	Dự án, công trình B									
									
									

Ghi chú: Cột 1 số năm trước được chuyển sang gồm: số dư dự toán ngân sách giao và số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi.

Người lập biểu

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc Kho bạc nhà nước

**BÁO CÁO TỔNG HỢP SỬ DỤNG DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB ĐƯỢC GIAO NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM.....
CỦA NGÂN SÁCH CẤP (TW, TỈNH,.....)**

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Nguồn vốn và Tên cơ quan chủ quản	Dự toán vốn đầu tư được giao niên độ năm.... (gồm cả bổ sung trong năm và số năm trước được chuyển sang)	Dự toán ngân sách đã sử dụng trong niên độ năm				Dự toán ngân sách hủy bỏ	Dự toán ngân sách được chuyển sang niên độ năm sau	
			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Tạm ứng chưa thu hồi			
				Tổng số	Tr.đó: Vốn trong nước	Tổng số			Tr.đó: Vốn trong nước
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8=1-2-7
	TỔNG SỐ								
I	VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẬP TRUNG								
1.	<i>Kinh phí cấp năm trước từ nguồn ứng trước dự toán năm nay</i>								
	BỘ A (SỔ A, PHÒNG A)								
	BỘ B (SỔ B, PHÒNG B)								
	...								
2.	<i>Kinh phí cấp trong niên độ năm nay từ nguồn dự toán năm nay</i>								
	BỘ A (SỔ A, PHÒNG A)								
	BỘ B (SỔ B, PHÒNG B)								
	...								

Số 31 - 29 - 11 - 2005
 Số 32 - 29 - 11 - 2005
 www.ThuVienPhapLuat.com
 CÔNG BÁO
 LawSoft * Tel: * 899 5483-8-48+ * 6899 5483-8-48+
 109

A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8=1-2-7
II	VỐN XDCB CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU								
1	<i>Kinh phí cấp năm trước từ nguồn ứng trước dự toán năm nay</i>								
	BỘ A (SỔ A, PHÒNG A)								
	BỘ B (SỔ B, PHÒNG B)								
2	<i>Kinh phí cấp trong niên độ năm nay từ nguồn dự toán năm nay</i>								
	BỘ A (SỔ A, PHÒNG A)								
	BỘ B (SỔ B, PHÒNG B)								
III	VỐN ĐẦU TƯ XDCB KHÁC								
	(Chi tiết từng nguồn vốn, từng đơn vị)								

Ghi chú: - Cột 1 số năm trước được chuyển sang gồm: số dư dự toán ngân sách giao và số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi.

- Số liệu báo cáo ở biểu này bao gồm cả các trường hợp được phép kéo dài ở Biểu số 02/KB.

Người lập biểu

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc Kho bạc nhà nước

**BÁO CÁO SỐ DỰ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM.....
ĐỀ NGHỊ CHUYỂN SANG NĂM SAU**

Đơn vị: Đồng

SỐ THỨ TỰ	ĐƠN VỊ DỰ TOÁN	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS	CHƯƠNG	LOẠI, KHOẢN	NHÓM MỤC	DỰ TOÁN NĂM NAY	TRONG ĐÓ:		DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG ĐẾN 31/12	DỰ TOÁN CÒN LẠI TẠI THỜI ĐIỂM 31/12	SỐ DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN SANG NĂM...	SỐ DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ
							DỰ TOÁN GIAO TRONG NĂM (gồm cả bổ sung trong năm)	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN SANG				
1	2	3	4	5	6	7= 8+9	8	9	10	11=7-10	12	13=7-10-12
	TỔNG CỘNG											

Ghi chú: - Khi đơn vị dự toán cấp I tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp (mỗi đơn vị SDNS là 1 dòng và kèm theo báo cáo của đơn vị SDNS có xác nhận của KBNN)
 - Cột số 9: Gồm cả tạm ứng năm trước được phép chuyển sang
 - Cột số 10: Gồm cả số đã rút tạm ứng chưa thanh toán.

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị
 (Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 7,10,11)

Ngày.... tháng..... năm.....
 Thủ trưởng đơn vị

**BÁO CÁO SỐ DƯ TẠM ỨNG NĂM.....
ĐỀ NGHỊ CHUYỂN SANG NĂM SAU**

Đơn vị: Đồng

SỐ THỨ TỰ	ĐƠN VỊ DỰ TOÁN	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS	CHƯƠNG	LOẠI, KHOẢN	NHÓM MỤC	SỐ DƯ TẠM ỨNG ĐẾN HẾT THỜI GIAN CHỈNH LÝ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH	TRONG ĐÓ:	
							TẠM ỨNG NỘP TRẢ NGÂN SÁCH	DƯ TẠM ỨNG ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NĂM SAU
1	2	3	4	5	6	7	8	9 = 7-8
	TỔNG CỘNG							

Ghi chú: Khi đơn vị dự toán cấp I tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp (mỗi đơn vị SDNS 1 dòng và kèm theo báo cáo của đơn vị SDNS có xác nhận của KBNN).

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị
(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 7)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị

**QUYẾT TOÁN THU CHI SỰ NGHIỆP NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM.....
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2002/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Đơn vị, ngành, lĩnh vực	Số thu sự nghiệp				Số chi từ nguồn thu sự nghiệp			
		Tổng số	Phí, lệ phí để lại đơn vị	Tài trợ	Sự nghiệp khác	Tổng số	Chi cải cách tiền lương	Chi tăng thu nhập	Chi thực hiện các nhiệm vụ theo chế độ
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10
	Tổng số								

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

- Cột 9 là phần được dùng bổ sung kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị
- Biểu này dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị cấp trên (đơn vị tính là 1000 đồng)
- Đơn vị cấp trên tổng hợp báo cáo đơn vị cấp trên nữa hoặc cơ quan tài chính đồng cấp thì chi tiết từng đơn vị sử dụng ngân sách
- Khi cơ quan tài chính cấp dưới tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cấp trên thì chi tiết theo ngành, lĩnh vực.